

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý tài chính Công ty TNHH
một thành viên Dịch vụ công ích Quận 6.**

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 6**

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 14 tháng 04 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ công ích Quận 6;

Theo đề nghị của Hội đồng thành viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành Quy chế quản lý tài chính Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích Quận 6 (kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Hội đồng, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các Phòng chuyên môn nghiệp vụ, các đơn vị phụ thuộc công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND TPHCM;
- Sở Tài chính;
- Chi cục TCDN;
- Kiểm soát viên;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tiếng



QUY CHẾ

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 50/QĐ-HĐTV ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 6)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng:

- Quy chế này quy định việc quản lý tài chính tại Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 6.
- Những nội dung quản lý tài chính không đề cập trong Quy chế này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ:

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) Công ty: Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 6.
 - b) Cơ quan đại diện chủ sở hữu của công ty: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.
 - c) Ban điều hành công ty: gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của công ty.
 - d) Vốn nhà nước tại công ty: bao gồm vốn từ ngân sách Nhà nước, vốn tiếp nhận có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước; vốn từ quỹ đầu tư phát triển tại Công ty, quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp; vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh; vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và vốn khác được Nhà nước đầu tư tại Công ty.
 - e) Vốn của công ty: vốn do Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty đầu tư tại công ty, vốn huy động, vốn tích lũy và các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.
 - f) Vốn huy động của công ty: vốn công ty huy động theo các hình thức phát hành trái phiếu, vay vốn của các tổ chức tín dụng, các tổ chức tài chính khác, của các cá nhân trong và ngoài nước, của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

g) *Bảo tồn vốn của Nhà nước tại công ty*: là việc giữ nguyên, không làm thâm hụt vốn Nhà nước tại công ty trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

h) *Tài sản của công ty*: tài sản cố định (tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, các khoản đầu tư tài chính dài hạn, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, các khoản cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ dài hạn và các tài sản cố định khác); tài sản lưu động (tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản lưu động khác và chi sự nghiệp) được hình thành từ vốn điều lệ của công ty, vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác do công ty quản lý sử dụng.

i) *Đơn vị phụ thuộc*: các đơn vị hạch toán phụ thuộc và không có tư cách pháp nhân theo luật pháp Việt Nam gồm các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các Đội lao động trực tiếp (Vệ sinh, Duy tu, Quản lý cây xanh, Quản lý nhà, Phân xưởng sửa chữa cơ khí.).

2. Các thuật ngữ được giải thích trong Quy chế này được giải thích tương tự như các từ, thuật ngữ đã được giải thích trong Luật Doanh nghiệp hoặc được giải thích tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Danh từ “pháp luật” được hiểu là pháp luật Việt Nam.

3. Các tham chiếu của Quy chế này tới quy định của văn bản quy phạm pháp luật khác bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản đó. Các từ ngữ hoặc thuật ngữ chưa được giải thích trong Quy chế này thì được hiểu theo quy định trong Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương II

QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Mục 1

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY

Điều 3: Vốn điều lệ:

1. Vốn điều lệ của công ty được ghi trong giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

2. Trong quá trình hoạt động, Công ty được điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ theo quy định của pháp luật; phương thức, trình tự, thủ tục, thực hiện việc điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Nguồn vốn bổ sung vốn điều lệ: Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, Quỹ đầu tư phát triển tại Công ty, và các nguồn bổ sung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Huy động vốn, cho vay vốn

1. Nguyên tắc huy động vốn, cho vay vốn:

Thực hiện theo Điều 19 Luật số 68/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, theo đó:

a) Doanh nghiệp được quyết định huy động vốn theo nguyên tắc tự vay, tự trả theo quy định của pháp luật. Phương án huy động vốn phải bảo đảm khả năng thanh toán nợ.

b) Doanh nghiệp được quyết định bảo lãnh cho công ty do doanh nghiệp nắm giữ trên 50% vốn điều lệ vay vốn tại các tổ chức tín dụng bảo đảm tổng giá trị các khoản bảo lãnh không vượt quá giá trị vốn góp thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm bảo lãnh.

c) Doanh nghiệp được quyết định cho công ty do doanh nghiệp nắm giữ trên 50% vốn điều lệ vay vốn, bảo đảm tổng giá trị các khoản cho vay đối với từng công ty không vượt quá giá trị vốn góp thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm cho vay. Trường hợp vượt quá mức quy định tại khoản này thì doanh nghiệp báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt.

d) Hội đồng thành viên, người phê duyệt phương án huy động vốn, cho vay vốn chịu trách nhiệm về quyết định của mình, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, bảo đảm vốn huy động, vốn cho vay được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả và thu nợ, trả nợ đúng thời hạn đã thỏa thuận.

e) Trường hợp doanh nghiệp huy động vốn dẫn đến tổng số nợ phải trả bao gồm các khoản bảo lãnh đối với doanh nghiệp được bảo lãnh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này vượt quá 03 lần vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn thì doanh nghiệp báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu sau khi phê duyệt phương án huy động vốn để giám sát theo quy định.

f) Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

2. Trường hợp Công ty sử dụng vốn huy động không đúng mục đích, huy động vốn vượt mức quy định nhưng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định hoặc báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý trách nhiệm của Hội đồng thành viên theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp huy động vốn, cho vay vốn không có hiệu quả hoặc thực hiện việc huy động vốn, cho vay vốn không đúng quy định, sử dụng vốn không đúng mục đích dẫn đến tổn thất tài sản, gây thiệt hại cho Công ty thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường vật chất tương ứng với thiệt hại, tổn thất đã gây ra cho Công ty và chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp

Thực hiện theo Điều 26 Luật số 68/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, theo đó:

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Hội đồng thành viên có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Việc bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp được đánh giá trên cơ sở hiệu quả tổng thể của doanh nghiệp.

3. Hằng năm, doanh nghiệp báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu về biến động vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp để theo dõi, giám sát. Trường hợp chưa bảo toàn được vốn chủ sở hữu, Hội đồng thành viên phải giải trình rõ nguyên nhân, biện pháp khắc phục và chịu trách nhiệm về tình hình tài chính của doanh nghiệp.

4. Phương pháp đánh giá mức độ bảo toàn vốn quy định tại Điều 23 Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Mục 2

QUẢN LÝ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Điều 6. Xác định doanh thu, chi phí, giá thành, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, nghĩa vụ nộp thuế.

Thực hiện theo pháp luật thuế, các văn bản pháp luật và chuẩn mực kế toán hiện hành.

Điều 7. Quản lý doanh thu và thu nhập khác.

1. Doanh thu của công ty bao gồm doanh thu từ hoạt động kinh doanh và thu nhập khác.

1.1 Doanh thu từ hoạt động kinh doanh gồm:

- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh thông thường: là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán hàng hóa, cung cấp sản phẩm dịch vụ công ty được khách hàng chấp nhận thanh toán sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và giá trị hàng hóa bị trả lại (nếu có chứng từ hợp lệ).

- Doanh thu từ hoạt động tài chính bao gồm: Các khoản thu phát sinh từ tiền bản quyền, cho thuê tài sản, tiền lãi cho vay vốn, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ; chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn và lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư ra ngoài công ty; thu lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi cho thuê tài chính; chênh lệch do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

1.2 Thu nhập khác gồm:

- Các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản, các khoản phải trả nay mất chủ; tiền bảo hiểm được bồi thường;

- Tiền nộp phạt của khách hàng vi phạm hợp đồng;

- Giá trị quà biếu, quà tặng; khoản thu nhập của năm trước hạch toán thiếu, khoản nợ không có khả năng thu hồi đã xử lý nay thu hồi được và các khoản thu khác.

2. Công ty được sử dụng toàn bộ doanh thu để bù đắp các chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

3. Điều kiện và thời điểm xác định doanh thu: căn cứ quy định chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 8. Quản lý chi phí

Chi phí hoạt động kinh doanh của công ty là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh mà công ty phải bỏ ra trong năm tài chính. Việc phân loại chi tiết chi phí theo hướng dẫn của Nhà nước và yêu cầu quản lý của công ty. Công ty phải quản lý chặt chẽ các khoản chi phí để giảm chi phí và giá thành sản phẩm nhằm tăng lợi nhuận bằng các biện pháp quản lý chủ yếu sau:

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện đơn giá tiền lương, các định mức kinh tế- kỹ thuật, định mức chi phí phù hợp với các đặc điểm kinh tế kỹ thuật, ngành nghề kinh doanh, mô hình tổ chức quản lý, trình độ trang bị của công ty trình Hội đồng thành viên.

- Các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, hình thức trả lương phải được công ty công bố công khai cho người lao động trong công ty biết để thực hiện, kiểm tra, giám sát.

- Trường hợp thực hiện vượt các định mức, làm tăng chi phí phải phân tích rõ nguyên nhân, trách nhiệm của cá nhân, tập thể để xử lý theo quy định của pháp luật. Nếu do nguyên nhân chủ quan phải bồi thường thiệt hại. Hội đồng thành viên quyết định mức bồi thường theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Tại công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 6, việc phân cấp quyền và trách nhiệm được thực hiện như sau:

2.1. Hội đồng thành viên công ty quyết định phân cấp cho Giám đốc công ty quyết định các khoản chi cho công tác xây dựng, mua sắm, sửa chữa, thuê tài sản cố định... trong phạm vi thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên theo quy định tại Điều lệ của công ty, theo đó:

- Các khoản chi cho công tác xây dựng, mua sắm, sửa chữa, thuê tài sản cố định... trong phạm vi thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên theo quy định tại Điều lệ của công ty có giá trị dự toán dưới 200 triệu đồng sẽ do Giám đốc tự quyết định và chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên công ty và pháp luật;

- Các khoản chi cho công tác xây dựng, mua sắm, sửa chữa, thuê tài sản cố định...trong phạm vi thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên theo quy định tại Điều lệ của công ty có giá trị dự toán từ 200 triệu đồng trở lên phải có ý kiến bằng văn bản hoặc nghị quyết của Hội đồng thành viên.

2.2. Trường hợp dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định có giá trị hơn 50% Vốn chủ sở hữu của công ty, Hội đồng thành viên báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty xem xét, phê duyệt.

2.3. Trường hợp mua sắm tài sản cố định cũ, đã qua sử dụng có giá trị lớn hơn 100 triệu đồng, công ty phải thuê tổ chức có chức năng kiểm định chất lượng và thẩm định giá nhằm xác định mức giá làm cơ sở đầu tư tài sản

2.4. Trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng, mua sắm, thuê tài sản cố định thực hiện theo quy định của pháp luật.

2.5. Người quyết định việc đầu tư, xây dựng, mua sắm, thuê tài sản cố định phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật nếu quyết định không đúng thẩm quyền hoặc tài sản cố định được đầu tư, xây dựng, mua sắm, thuê không sử dụng được, sử dụng không hiệu quả.

3. Công ty xây dựng kế hoạch chi phí theo từng khoản mục chi phí để quản lý chi phí cho năm tài chính. Thực hiện các biện pháp về giá trong mua, bán để đảm bảo các khoản chi phí có giá cạnh tranh như: đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...

4. Định kỳ 6 tháng, công ty tổ chức phân tích chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm nhằm phát hiện những hạn chế trong quá trình sản xuất kinh doanh, những yếu tố làm tăng chi phí, giá thành sản phẩm để có giải pháp khắc phục kịp thời.

5. Các khoản chi phí phải đảm bảo hợp lý và có đầy đủ chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật. Các khoản chi sai, chi không đúng đối tượng hoặc không có chứng từ, chứng từ không hợp lệ không được hạch toán vào chi phí.

6. Người nào quyết định các khoản chi sai nguyên tắc, sai chế độ phải chịu trách nhiệm bồi hoàn và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

7. Các cá nhân, bộ phận phụ trách mua sắm vật tư, hàng hóa, tài sản, các dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị nếu sử dụng hóa đơn bất hợp pháp để hợp thức hóa hàng hóa, dịch vụ mua vào không có chứng từ; sử dụng hóa đơn có nội dung được ghi không có thật một phần hoặc toàn bộ; sử dụng hóa đơn có sự chênh lệch về giá trị hàng hóa, dịch vụ; hóa đơn hàng hóa, dịch vụ mà cơ quan thuế, cơ quan công an và các cơ quan chức năng khác đã kết luận là bất hợp pháp; sử dụng hóa đơn của các doanh nghiệp có rủi ro về thuế, bỏ trốn khỏi nơi đăng ký để thanh quyết toán sẽ có trách

nhiệm bồi hoàn thiệt hại về vật chất cho công ty khi bị các cơ quan chức năng thanh kiểm tra, xuất toán đồng thời chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 9. Phân phối lợi nhuận sau thuế

Thực hiện theo Điều 25 Luật số 68/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, theo đó:

1. Lợi nhuận sau thuế sau khi chia lãi cho các thành viên góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu có) và sau khi bù đắp lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thì được sử dụng để xử lý các chi phí sau đây:

1.1. Chi phí được xử lý từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo quy định của các luật có liên quan;

1.2. Chi phí khảo sát, thăm dò khoáng sản cho mục đích đầu tư nhưng không đủ điều kiện triển khai dự án theo quy định của Chính phủ; chi phí đầu tư thất bại tại các dự án đầu tư, khoản đầu tư có tính đặc thù, rủi ro cao theo quy định của Chính phủ;

1.3. Chi phí thực hiện nhiệm vụ chính trị do cơ quan có thẩm quyền giao theo quy định của Chính phủ.

2. Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi xử lý các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này được phân phối theo Khoản 2 Điều 29 Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, theo đó việc phân phối lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo thứ tự sau đây:

2.1. Trích Quỹ đầu tư phát triển để sử dụng vào mục đích đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp theo nguyên tắc:

a) Trường hợp nhu cầu sử dụng nguồn Quỹ đầu tư phát triển được xác định tại chiến lược phát triển hoặc kế hoạch kinh doanh của năm tiếp theo đã được ban hành lớn hơn hoặc bằng 50% lợi nhuận sau thuế thì doanh nghiệp trích 50% lợi nhuận sau thuế vào Quỹ đầu tư phát triển.

b) Trường hợp nhu cầu sử dụng nguồn Quỹ đầu tư phát triển được xác định tại chiến lược phát triển hoặc kế hoạch kinh doanh của năm tiếp theo đã được ban hành thấp hơn 50% lợi nhuận sau thuế thì doanh nghiệp trích theo nhu cầu sử dụng nguồn Quỹ đầu tư phát triển.

2.2. Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi để chi cho công tác khen thưởng, hoạt động phúc lợi của người lao động, người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, kiểm soát viên, Giám đốc và các chức danh quản lý khác theo Điều lệ công ty theo nguyên tắc:

a) Doanh nghiệp xếp loại A được trích không quá 03 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi; xếp loại B được trích không quá 02 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi; xếp loại C được trích không quá 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi. Việc xếp loại doanh nghiệp A, B, C làm căn cứ trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi thực hiện theo Điều 28, Điều 30 Nghị định 365/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Doanh nghiệp không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

b) Về tiền lương tháng thực hiện làm căn cứ trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi được xác định trên cơ sở tổng quỹ lương thực hiện của năm đánh giá của doanh nghiệp chia cho 12 tháng.

d) Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ đầu tư phát triển quy định tại điểm 2.1, khoản 2 Điều này mà không đủ nguồn để trích các Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo mức quy định thì doanh nghiệp được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập Quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

2.3. Trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật liên quan.

2.4. Doanh nghiệp nộp phần lợi nhuận còn lại vào ngân sách nhà nước, trừ trường hợp sử dụng để bổ sung vốn điều lệ.

2.5. Doanh nghiệp được sử dụng lợi nhuận còn lại theo quy định tại Điều 25 của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp để đầu tư dự án và bổ sung vốn điều lệ. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư vốn để bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 10. Quản lý và sử dụng các quỹ

1. Việc sử dụng các quỹ của công ty phải đúng mục đích, đúng đối tượng:

- Công ty phải xây dựng, ban hành Quy chế quản lý sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật để áp dụng trong nội bộ công ty; quy chế đảm bảo dân chủ, minh bạch có sự tham gia của Ban Chấp hành Công đoàn Công ty và công khai trong công ty trước khi thực hiện.

- Trong năm tài chính, công ty chủ động tạm trích các quỹ trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty có lãi và đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định để có nguồn chi sử dụng quỹ theo mục đích đã quy định.

2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển công ty và bổ sung vốn điều lệ cho công ty.

3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

- Thưởng cuối năm, thưởng thường kỳ, thưởng đột xuất, thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng cho người lao động trong doanh nghiệp, bao gồm cả người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên do Nhà nước bổ nhiệm.

- Thường cho những cá nhân và đơn vị ngoài công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.

- Mức thưởng do Giám đốc công ty quyết định được ghi trong Quy chế quản lý, sử dụng quỹ của công ty.

4. Quỹ phúc lợi được dùng để:

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của công ty.

- Chi các hoạt động phúc lợi của người lao động trong công ty bao gồm cả Ban điều hành làm việc theo hợp đồng lao động lẫn do Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban điều hành do nhà nước bổ nhiệm.

- Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng.

- Trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

- Mức chi sử dụng quỹ do Giám đốc công ty quyết định được ghi trong Quy chế quản lý, sử dụng quỹ của công ty.

Mục 3

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 11. Kế hoạch tài chính

1. Căn cứ vào định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính dài hạn phù hợp với kế hoạch định hướng của Công ty đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định.

2. Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, căn cứ vào năng lực của Công ty và nhu cầu thị trường, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo trình Hội đồng thành viên quyết định.

3. Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh được Hội đồng thành viên quyết định, Công ty thực hiện việc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính cùng cấp và Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 7 hàng năm. Biểu mẫu báo cáo theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Cơ quan đại diện chủ sở hữu chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp rà soát lại kế hoạch tài chính do Công ty lập và có ý kiến chính thức bằng văn bản để Công ty hoàn chỉnh kế hoạch tài chính. Kế hoạch tài chính sau khi hoàn chỉnh là kế

hoạch chính thức làm cơ sở cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan tài chính cùng cấp giám sát, đánh giá quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 12. Chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán.

1. Kỳ kế toán năm của công ty là 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 dương lịch đến ngày 31 tháng 12 cùng năm.

2. Công ty tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật hiện hành; lập, ghi chép đầy đủ chứng từ ban đầu, cập nhật sổ sách kế toán, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính. Báo cáo tài chính năm của công ty phải được kiểm toán trước khi nộp cho cơ quan nhà nước và trước khi công khai.

3. Công ty chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan tài chính có thẩm quyền đối với công tác tài chính của công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Báo cáo tài chính, thống kê và các báo cáo khác.

1. Cuối kỳ kế toán (quý, năm), Công ty phải lập, trình bày, gửi các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê cho các cơ quan nhà nước và thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, thống kê và việc thực hiện công khai tài chính.

2. Ngoài các báo cáo tài chính, thống kê định kỳ và gửi theo quy định nêu trên, Công ty phải thực hiện lập, gửi các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước; trường hợp Công ty có khoản vay trong nước và vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh, Công ty phải thực hiện lập và gửi báo cáo theo các quy định hiện hành của pháp luật về quản lý nợ được Chính phủ bảo lãnh.

3. Công ty thực hiện chế độ lập, trình bày, gửi các báo cáo (định kỳ, đột xuất) đến cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

4. Công ty thực hiện công khai thông tin theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty.

Mục 4

NGHĨA VỤ, QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN, BAN ĐIỀU HÀNH TRONG VIỆC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG TY

Điều 14. Nghĩa vụ của Hội đồng thành viên, Giám đốc công ty:

1. Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn và nhiệm vụ được giao.
2. Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của công ty nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác. Không được đem cho, tặng tài sản của công ty cho bất kỳ đối tượng nào.
3. Hàng năm phải báo cáo về kết quả quản lý, giám sát hoạt động của công ty cho cơ quan đại diện chủ sở hữu, kết quả xếp hạng của công ty.

4. Trường hợp vi phạm Điều lệ công ty, quyết định vượt thẩm quyền, không đúng thẩm quyền, lợi dụng chức vụ quyền hạn gây thiệt hại cho công ty và nhà nước thì có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc công ty vi phạm chế độ quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và chế độ khác chưa đến mức độ truy cứu trách nhiệm hình sự; quyết định các dự án đầu tư không hiệu quả, không thu hồi được vốn, không trả được nợ vay; hoặc để công ty thua lỗ, mất vốn, không đảm bảo lương tối thiểu cho người lao động sẽ bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm.

6. Các nghĩa vụ khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Quyền, trách nhiệm của Hội đồng thành viên:

1. Ban hành điều lệ sau khi có ý kiến chấp thuận về nội dung điều lệ của đại diện chủ sở hữu nhà nước; ban hành quy chế tài chính, quy chế quản lý nợ phải thu, nợ phải trả, quy chế quản lý và sử dụng tài sản cố định, quy chế nội bộ, quy chế tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp và quy chế quản lý sử dụng các quỹ để áp dụng trong nội bộ doanh nghiệp, trong đó:

1.1 Điều lệ quy định rõ các nội dung phải có ý kiến chấp thuận của đại diện chủ sở hữu nhà nước khi sửa đổi, bổ sung;

1.2 Quy chế tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp và quy chế quản lý sử dụng các quỹ phải bảo đảm dân chủ, minh bạch có sự tham gia của tổ chức đại diện của người lao động tại cơ sở và công khai thông tin theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở trước khi thực hiện. Việc sử dụng các Quỹ phải đúng mục đích, đúng đối tượng. Trong năm tài chính, doanh nghiệp chủ động thực hiện tạm trích các quỹ trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có lãi và đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định để có nguồn chi sử dụng quỹ theo mục đích đã quy định.

1.3 Quy chế quản lý và sử dụng tài sản cố định phải quy định rõ quyền, trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc đầu tư, mua, thuê mua, quản lý, sử dụng tài sản cố định; trình tự, thủ tục mua, thuê mua, bán tài sản cố định.

1.4 Quy chế quản lý nợ phải thu, nợ phải trả phải quy định rõ trách nhiệm của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, tập thể, cá nhân có liên quan trong việc quản lý, theo dõi, thu hồi nợ phải thu, theo dõi, đối chiếu, xác nhận, thanh toán nợ phải trả và cơ chế xử lý trách nhiệm trong trường hợp việc quản lý nợ, bán nợ dẫn đến doanh nghiệp bị thua lỗ, mất vốn, mất khả năng thanh toán, giải thể, phá sản hoặc phát sinh nợ phải trả quá hạn, nợ không có khả năng thanh toán.

2. Ban hành, điều chỉnh chiến lược phát triển doanh nghiệp, kế hoạch kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp.

3. Quyết định đầu tư vốn nhà nước theo thẩm quyền; báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu để quyết định đầu tư hoặc để trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; quyết định giảm vốn điều lệ trên cơ sở phê duyệt chủ trương của đại diện chủ sở hữu nhà nước theo quy định và thực hiện nộp phần vốn

góp hoàn trả về ngân sách nhà nước trong trường hợp hoàn trả một phần vốn góp cho chủ sở hữu công ty theo quy định của pháp luật doanh nghiệp.

4. Quyết định phương án huy động vốn, phương án cho vay vốn đối với công ty do doanh nghiệp nắm giữ trên 50% vốn điều lệ theo thẩm quyền.

5. Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp, chuyển nhượng dự án đầu tư, thuê mua, mua, bán tài sản cố định của doanh nghiệp theo thẩm quyền, bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, không tạo lợi ích nhóm; quyết định thành lập công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

6. Đề xuất phương án phân phối lợi nhuận sau thuế theo quy định tại Điều 25 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Nghị định hướng dẫn, bảo đảm phù hợp với nhu cầu và quy mô hoạt động của doanh nghiệp; quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp sau khi có ý kiến chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu. Trường hợp sử dụng lợi nhuận còn lại để đầu tư dự án và bổ sung vốn điều lệ, thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

7. Quyết định tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác đối với thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, các chức danh khác do Hội đồng thành viên bổ nhiệm, người lao động.

8. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm của doanh nghiệp.

9. Ban hành quy chế hoạt động người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, bảo đảm công khai, minh bạch, không tạo lợi ích nhóm.

10. Hội đồng thành viên quản lý, điều hành doanh nghiệp tuân thủ quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

11. Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, cơ quan đại diện chủ sở hữu trong quản lý, bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp và các trách nhiệm sau:

11.1 Báo cáo kịp thời cơ quan đại diện chủ sở hữu khi doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành nhiệm vụ được giao và những trường hợp sai phạm khác;

11.2 Chỉ đạo doanh nghiệp thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với những nội dung được phân cấp quyết định theo quy định tại Nghị định này, phù hợp với khoản 1 Điều 54 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; chịu sự giám sát của đại diện chủ sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan;

11.3 Quản lý và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Nghị định hướng dẫn.

12. Hội đồng thành viên không được tiếp tục làm người đại diện chủ sở hữu trực tiếp khi không còn đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định pháp luật, hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao, hoặc bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ, hoặc trong trường hợp có dấu hiệu bất thường về tình hình hoạt động của doanh nghiệp có nguy cơ ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp.

13. Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm trước pháp luật về vi phạm gây tổn thất vốn, tài sản của doanh nghiệp.

14. Hội đồng thành viên, Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên công ty thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, quy định của Chính phủ, Điều lệ công ty và quy định của pháp luật có liên quan.

15. Hội đồng thành viên công ty phân cấp cho Giám đốc quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc quy chế tài chính của doanh nghiệp.

Điều 16. Quyền, trách nhiệm của Kiểm soát viên.

Tiêu chuẩn, điều kiện, chế độ làm việc, quyền, trách nhiệm của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên do cơ quan đại diện chủ sở hữu ban hành.

Điều 17. Quyền, trách nhiệm của Giám đốc

1. Là đại diện pháp luật của Công ty, có trách nhiệm điều hành thực hiện các dự án đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh do Hội đồng thành viên quyết định.

2. Xây dựng phương án điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ đề nghị Hội đồng thành viên trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

3. Quyết định các dự án đầu tư, phương án huy động vốn, thanh lý, nhượng bán tài sản theo phân cấp của Hội đồng thành viên và quy định của pháp luật. Trình Hội đồng thành viên phê duyệt các dự án, phương án thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.

4. Xây dựng đề trình Hội đồng thành viên thông qua kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm phù hợp với kế hoạch kinh doanh; các định mức kinh tế, kỹ thuật, định mức lao động, định mức chi phí tiền lương phù hợp với điều kiện kinh doanh của Công ty để làm căn cứ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Chịu trách nhiệm và thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản vốn huy động và các nguồn vốn khác của công ty; chịu trách nhiệm vật chất đối với những thiệt hại do lỗi chủ quan gây ra cho Công ty.

6. Lập và trình Hội đồng thành viên thông qua báo cáo tài chính hàng năm. Chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của số liệu báo cáo tài chính, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.

7. Quản lý chi phí tiền lương, quỹ thi đua khen thưởng, quỹ phúc lợi, thực hiện mua sắm theo thẩm quyền được pháp luật quy định.

8. Hàng năm Giám đốc phải có báo cáo về kết quả quản lý, giám sát hoạt động của công ty gửi Hội đồng thành viên.

9. Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Quyền, trách nhiệm của Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

1. Phó Giám đốc:

- Giúp giám đốc điều hành công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc.

- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.
- Việc ủy quyền có liên quan đến việc ký hợp đồng kinh tế hoặc liên quan đến việc sử dụng con dấu của công ty đều phải được thực hiện bằng văn bản.

2. Kế toán trưởng:

2.1 Nhiệm vụ của Kế toán trưởng:

- a) Thu thập xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán;
- b) Kiểm tra, giám sát các khoản phải thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản, phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán;
- c) Phân tích thông tin, số liệu kế toán; tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của công ty;
- d) Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật.

2.2 Quyền hạn của Kế toán trưởng:

- a) Độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán;
- b) Có ý kiến bằng văn bản với người đại diện pháp luật của công ty về việc tuyển dụng, thuyên chuyển, tăng lương, khen thưởng, kỷ luật người làm kế toán, thủ kho, thủ quỹ;
- c) Yêu cầu các bộ phận liên quan trong công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu liên quan đến công việc kế toán và giám sát tài chính của kế toán trưởng;
- d) Bảo lưu ý kiến chuyên môn bằng văn bản khi có ý kiến khác với ý kiến của người ra quyết định;
- đ) Báo cáo bằng văn bản cho người đại diện theo pháp luật của công ty khi phát hiện các vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán trong đơn vị. Trường hợp đã có ý kiến khác, nhưng vẫn phải chấp hành quyết định của cấp trên, thì Kế toán trưởng có trách nhiệm báo cáo lên cấp trên trực tiếp của người đã ra quyết định hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền và không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành quyết định đó.

2.3. Trách nhiệm của Kế toán trưởng:

- a) Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong Công ty;
- b) Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật Kế toán;
- c) Lập báo cáo tài chính tuân thủ chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán.

Chương III

GIÁM SÁT NỘI BỘ

Điều 19. Giám sát nội bộ của công ty

1. Công ty thực hiện giám sát nội bộ những nội dung sau đây:

a) Hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại đơn vị;

b) Việc thực hiện quyền, trách nhiệm của Hội đồng Thành viên, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của công ty;

d) Những nội dung khác theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Hội đồng thành viên thực hiện kịp thời các biện pháp ngăn chặn nguy cơ mất an toàn về quản lý vốn, tài sản tại doanh nghiệp theo kết quả giám sát nội bộ; thực hiện đầy đủ, kịp thời kiến nghị, cảnh báo của cơ quan giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Quy chế tài chính này bao gồm 4 Chương 20 Điều, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc công ty chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc quản lý tài chính theo các quy định tại Quy chế này.

2. Ngoài việc thực hiện các quy định trong Quy chế này công ty phải thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quy chế quản lý tài chính công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 6 được ban hành theo Quyết định 154/QĐ-HĐTV ngày 30/6/2022.

4. Việc sửa đổi và bổ sung Quy chế này do Hội đồng thành viên công ty phê duyệt trên cơ sở kiến nghị của Giám đốc công ty./.

**CÔNG TY TNHH MTV
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 6**